

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13- 3 - 2024

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Tạ Bửu Thương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Kiều – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 706/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Cẩm X; Sinh năm: 1981; Địa chỉ cư trú: Ấp B, L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Hữu L; Sinh năm: 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp B, L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Lê Cẩm X trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:*

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Lê Hữu L tự nguyện chung sống vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 18/01/2005, Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2005. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường X cãi vã với nhau, do ông L ghen tuông vô cớ, có lời nói xúc phạm, đe dọa gây cho bà hoang mang, lo lắng, mâu thuẫn trầm trọng là vào năm 2022. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

- *Về con chung:* Bà và ông L có 02 người con chung tên Lê Cẩm T, sinh ngày 21/11/2005, hiện đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng; Lê Diễm Th, sinh ngày 21/10/2013, hiện đang sống cùng bà và ông L. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Diễm Th, không yêu cầu L cấp dưỡng.

- *Về tài sản*: Bà xác định đề tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- *Về nợ chung*: Bà xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

Ông Lê Hữu L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa như sau:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như bà X trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, có đôi lúc ông cũng có lời nói xúc phạm bà X nhưng cũng do bà X có nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác và khóa điện thoại không cho ông xem. Ông cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng đến mức phải ly hôn, ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ.

- *Về con chung*: Ông bà X có 02 người con chung tên Lê Cẩm T, sinh ngày 21/11/2005, hiện đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng; Lê Diễm Th, sinh ngày 21/10/2013, hiện đang sống cùng ông, bà. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà X ly hôn, ông đồng ý giao cháu Diễm Thy cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

- *Về tài sản*: Ông xác định đề tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- *Về nợ chung*: Ông xác định không nợ ai, không ai nợ ông, bà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

[2] Hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Cẩm X yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Hữu L. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, bà X và ông L chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà X cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do ông L ghen tuông vô cớ, thường X có lời nói xúc phạm, đe dọa bà. Ông L cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thừa nhận ông có xúc phạm, đe dọa bà X nhưng không đến mức phải ly hôn, ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà X kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, bà X và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Mặt khác, ông L tuy có yêu cầu đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án đến nay ông không có biện pháp nào hiệu quả để hàn gắn hôn nhân của ông, bà. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà X về việc ly hôn với ông L là có căn cứ.

[3] Con chung: Bà X và ông L có 02 người con chung tên Lê Cẩm T, sinh ngày 21/11/2005, hiện đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng; Lê Diễm Th, sinh ngày 21/10/2013, hiện đang sống cùng ông, bà. Khi ly hôn, bà X và ông L thống nhất giao cháu Diễm Th cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của cháu Diễm Th tại biên bản ghi ý kiến con chung là được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Diễm Thy cho bà X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Tài sản chung: Bà X và ông L xác định tự thỏa thuận, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Bà X và ông L xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Cẩm X về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê Hữu L.

Con chung: Giao Lê Diễm Th, sinh ngày 21/10/2013, hiện đang sống cùng ông L và bà X cho bà X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Lê Cẩm X phải nộp 300.000 đồng. Ngày 11/12/2023, bà X đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0007769, được đổi trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**